

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM ĐẢO
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/HNGĐ-ST
Ngày 31 - 7 - 2019
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐẢO, TỈNH VINH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Chiên và ông Nguyễn Xuân Thỏa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Song Lưu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo tham gia phiên tòa:
Bà Khổng Thị Phú Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2019 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn Ng, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn Ng, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 5 năm 2019 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị H chung sống với nhau từ ngày 17/12/1998, trước khi chung sống anh chị được tự do tìm hiểu và tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi cưới, anh chị sống chung cùng gia đình anh, cuối năm 1999 thì ra ở riêng, từ năm 1998 đến nay anh chị không làm thủ tục gì để đăng ký kết hôn. Quá trình anh chị chung sống được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên mâu thuẫn, xô sát, anh chị sống ly thân từ tháng 4/2019 đến nay, không ai có trách nhiệm gì đến nhau. Anh xác định tình cảm không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H.

Về quan hệ giao nuôi con chung: Anh và chị H có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn Ph, sinh ngày 20/10/2000 và cháu Nguyễn Duy Đ, sinh ngày 19/12/2003, hiện cháu Ph đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Ly hôn, anh đề nghị được nuôi dưỡng cháu Đ, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị thừa nhận như anh B trình bày về quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn, thời điểm sống ly thân. Chị xác định tình cảm vẫn còn và vì các con nên chị không đồng ý ly hôn anh B.

Về quan hệ giao nuôi con chung: Chị xác định như anh B trình bày là đúng, hiện cháu Ph đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ, anh B cấp dưỡng nuôi cháu Đ là 1.000.000đ/tháng.

Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn và bị đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, tuyên bố không công nhận anh B và chị H là vợ chồng, giao cháu Nguyễn Duy Đ cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn B có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị H; chị H hiện cư trú tại huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Do vậy, xác định đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị H chung sống với nhau từ năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn, quá trình chung sống cho đến nay anh chị chưa làm thủ tục gì để đăng ký kết hôn. Do đó, khẳng định anh B và chị H đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998 mà không đăng ký kết hôn.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: "...Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì

không có giá trị pháp lý”; “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”. Quá trình giải quyết vụ án anh B và chị H đều xác định nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên mâu thuẫn và sống ly thân nhau, chị H mong muốn đoàn tụ nhưng anh B kiên quyết xin ly hôn. Qua xác minh tại địa phương thể hiện nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn do anh chị không có niềm tin lẫn nhau, không có kinh nghiệm sống và giải quyết mâu thuẫn, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Do vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của anh B, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh B và chị H là phù hợp.

Về quan hệ giao nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án anh B và chị H đều xác định anh chị có 02 con chung. Ly hôn, cháu Ph đã trưởng thành anh chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết; đối với cháu Đ anh chị đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Đ có nguyện vọng ở với anh B.

Xét thấy, nguyện vọng nuôi con của anh chị là có căn cứ, hoàn toàn tự nguyện, tuy nhiên hiện anh B đang trực tiếp nuôi cháu Đ, cháu phát triển bình thường về mọi mặt, anh B có đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu Đ nên cần giao cháu Đ cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng cháu Đ là phù hợp pháp luật và phù hợp nguyện vọng của cháu Đ.

Về quan hệ tài sản: Anh B và chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn B phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị H là vợ chồng.

2. Về quan hệ giao nuôi con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn B trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Duy Đ, sinh ngày 19/12/2003, chị Nguyễn Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con. Không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Các đương sự có quyền yêu cầu về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và yêu cầu về cấp dưỡng.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn B phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng

án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu số: 0001135 ngày 30/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc. Anh B đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tam Đảo;
- Chi cục THADS huyện Tam Đảo;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu

